

Số: **3274** /TTr-UBND

Triệu Sơn, ngày 08 tháng 11 năm 2016

TỜ TRÌNH

**V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán bổ sung
Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh
đến Đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Hạng mục: Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 11690/UBND-THKH ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa chữa, khắc phục hư hỏng tuyến đường từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn;

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục bổ sung: Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến Đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến Đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Hạng mục: Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ.

2. Loại, cấp, quy mô công trình: Công trình giao thông nhóm C cấp IV;

3. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn;

4. Địa điểm xây dựng: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá;

5. Giá trị dự toán bổ sung xây dựng hạng mục công trình: 3.477.661.000 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 3.072.910.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 39.668.000 đồng;
- Chi phí tư vấn: 132.236.000 đồng;
- Chi phí khác: 232.847.000 đồng.

6. Nhà thầu lập thiết kế và DT xây dựng: Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thanh Hoa.

7. Nội dung thiết kế sửa chữa, khắc phục hư hỏng:

7.1. Công trình thoát nước dọc:

a) Hiện trạng:

Dưới tác động của đá hòn, đá tảng rơi, lăn và dưới tác động của lưu tốc dòng chảy lớn một số đoạn rãnh xây gia cố thoát nước dọc kết cấu bằng đá hộc xây VXM M100 (không trát) bị hư hỏng phá vỡ, vị trí cụ thể như sau:

- Rãnh trái tuyến đoạn từ Km2+738,00-: -Km3+188,00 chiều dài L=450m;
- Rãnh phải tuyến các đoạn từ Km2+776,20-: -Km3+519,00 tổng chiều dài L=742,8m.

b) Giải pháp xử lý:

Phá dỡ, xây dựng hoàn trả rãnh thoát nước dọc các đoạn bị hư hỏng, xây dựng hoàn trả rãnh dọc với kích thước kỹ thuật như HSTK đã phê duyệt, về kết cấu rãnh dọc được lựa chọn như sau:

- Rãnh xây phía trái tuyến: ít chịu tác động của dòng chảy và đất đá lăn, kết cấu xây dựng đá hộc xây vữa xi măng mác 100, kích thước thông thủy của rãnh (90+40)x50cm dày 30cm, không đệm đá dăm và trát vữa bảo vệ (Vật liệu đá hộc được tận dụng từ đá hộc phá dỡ công trình cũ).

- Rãnh xây phía phải tuyến: (phía taluy dương) chịu tác động rất lớn của dòng chảy và đất đá lăn, kết cấu xây dựng bê tông M150, kích thước thông thủy của rãnh (90+40)x50cm dày 20cm, không đệm đá dăm.

7.2. Công trình thoát nước ngang:

a) Hiện trạng.

Toàn bộ phần sân cống bản KĐ1,0m (cọc Km2+892,70) phía hạ lưu với kết cấu bằng bê tông xi măng M150 đã bị phá vỡ hoàn toàn, chiều sâu xói đầu cống là 6,0m (tính từ mặt cống).

b) Giải pháp xử lý.

Thiết kế tường chắn đất hai bên mang cống phía hạ lưu (dạng tường cánh) chiều dài mỗi bên tường dài 7,6m; chiều cao H=6,4m; kết cấu chân móng, thân

tường chắn bằng bê tông xi măng M150 (Tường chắn được áp dụng theo thiết kế điển hình 86-06X, của viện thiết kế GTVT). Hoàn trả sân gia cố công bằng bê tông mác 150 dày 30cm, trên lớp đá hộc xếp khan bù phần nền đường bị xói lở.

7.3. Xói lở nền đường:

a) Hiện trạng.

Với đặc điểm chiều dài và độ dốc dọc đoạn tuyến rất lớn (dốc dọc lên đến 18%) dưới tác động va đập của đá hòn, tảng lăn trôi kèm theo dòng chảy có lưu tốc rất lớn nền đường một số đoạn trên tuyến chính bị hư hỏng, xói lở nghiêm trọng, vị trí được đo đạc thống kê như sau:

- Các đoạn từ Km2+975 đến Km2+998; Km3+30 đến Km3+86 và Km3+370 đến Km3+451 tổng chiều dài L=160m; chiều rộng từ (1,0-3,0)m, chiều sâu từ (1,2-3,3)m.

- Toàn bộ phần mặt đường BTXM đang còn tốt, không bị hư hỏng.

b) Giải pháp xử lý.

Giữ nguyên toàn bộ phần kết cấu mặt đường, xử lý phần nền đường bị xói lở theo thứ tự từ dưới lên trên như sau:

- Phần dưới cùng: Đắp bù phần bị xói bằng đá hộc xếp khan đến cao độ cách cao độ mặt đường -80cm.

- Rải lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Lót chống thấm nước bằng các vật liệu bao bì xi măng tận dụng.

- Những vị trí bị xói lở nền đường nêu trên được xác định là những vị trí xung yếu nhất, có thể chịu tác động lớn nhất của đá tảng và dòng chảy, để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thi công cũng như chất lượng trong quá trình khai thác sử dụng sau này, với ưu điểm các hạt vật liệu nhỏ, khả năng chịu lực toàn khối lớn, giá thành xây dựng so với đá hộc xây VXM M100 không lớn, đơn vị tư vấn kiến nghị lựa chọn giải pháp vật liệu bê tông xi măng M150 đổ lấp phần từ mặt lớp đá dăm đệm đến cao độ mặt đường.

- Rãnh dọc kích thước thông thủy của rãnh (90+40)*50cm.

- Lưu ý thứ tự thi công các lớp vật liệu: từ dưới lên trên, từ vị trí thấp đến cao (theo dốc dọc tuyến). Lớp đá hộc xếp khan và đá dăm đệm được thi công bằng thủ công, lớp bê tông M150 trong phạm vi giới hạn mặt đường được đổ và đầm lèn thông qua các lỗ có kích thước (30x30cm) tạo trên mặt đường, khoảng cách vị trí các lỗ 3,0m.

7.4. Bổ sung một số hạng mục phụ trợ:

a) Bổ sung tường chắn ta luy dương bằng rọ thép đá hộc xếp khan:

Để ngăn cản, hạn chế đất đá sạt lở taluy dương tràn ra mặt đường gây ảnh hưởng chất lượng công trình, cũng như an toàn cho người và phương tiện giao thông, đề xuất bổ sung tường chắn tại một số đoạn được xác định có nguy cơ sạt lở lớn nhất, tường chắn dạng rọ thép đá hộc xếp khan. Rọ thép sử dụng loại kích thước (2x1x1m)

và (2x1x0,5m), bên trong xếp đá học đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật. Rọ thép được liên kết với nhau bằng thép buộc $\Phi 2\text{mm}$.

Tổng chiều dài tường chắn bên phải tuyến L=438m, tại các vị trí cụ thể như sau:

- Đoạn 1: Từ Km3+19,20 đến Km3+127,20 dài 108m;
- Đoạn 2: Từ Km3+131,80 đến Km3+219,80 dài 88m;
- Đoạn 3: Từ Km3+231,80 đến Km3+470 dài 242m.

b) Bổ sung rãnh bậc nước tại Km3+129,50 và 3+507,60 trên đường cứu nạn.

Để đảm bảo ổn định mái taluy tại vị trí cửa ra cống thoát nước trên đường đường cứu nạn số 1 (Km3+129,50) và đường cứu nạn số 2 (Km3+507,0) bổ sung rãnh bậc nước, kết cấu rãnh bậc bằng bê tông xi măng M150.

8. Tổng dự toán của công trình sau khi bổ sung kinh phí sửa chữa khắc phục hư hỏng:

Theo chủ trương tại văn bản số 11690/UBND-THKH ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa cho phép bổ sung kinh phí từ nguồn vốn của dự án, vì vậy chủ đầu tư đã tổng hợp phần kinh phí đã thực hiện của dự án và so sánh thấy sau khi bổ sung kinh phí Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ vào dự án sẽ không vượt tổng mức đầu tư đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 09/9/2014, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư theo quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 09/9/2014	Tổng dự toán sau bổ sung phần Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ	Trong đó		Chênh lệch: Tăng (+); giảm (-)
				Kinh phí đã thực hiện (có phụ biểu kèm theo)	Kinh phí Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(4)-(3)
I	Chi phí xây lắp:	85.318,000	84.182,326	81.109,416	3.072,910	- 1.135,674
II	Chi phí GPMB	3.220,000		1.920,000		- 1.300,000
III	Chi phí QLDA:	1.279,000	1.441,978	1.402,310	39,668	162,978
IV	Chi phí TV ĐTXD:	3.816,000	4.318,227	4.185,991	132,236	502,227
V	Chi phí khác:	858,000	1.455,154	1.222,307	232,847	597,154
VI	Dự phòng:	4.802,000		402,223		- 4.399,777
	Tổng kinh phí :	99.293,000	93.719,908	90.242,247	3.477,661	- 5.573,092

UBND huyện Triệu Sơn kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt
để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Giao thông Vận tải (t/d);
- Lưu: VT, KTHT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Trường Sơn

PHỤ BIÊN CHI TIẾT KINH PHÍ ĐÁ THỰC HIỆN

Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến Đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn
 (Kèm theo tờ trình số 3274/TT-UBND ngày 08/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	QĐ số 900/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt thiết kế BVTG	QĐ số 3302/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa duyệt bổ sung điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang	QĐ số 3531/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt kinh phí bổ sung chênh lệch giá theo thời điểm thi công	QĐ số 383/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 và QĐ số 1486/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa duyệt bổ sung đường cứu nạn, lề đường đi bộ và Đ.vào động Am Tiên	Kinh phí bổ sung bãi đỗ xe và mặt đường bê tông đường đi bộ theo chủ trương tại văn bản số 9416/UBND-THKH ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Tổng kinh phí thực hiện
I	Kinh phí xây lắp:	36.906.085.000	18.762.000.000	3.451.957.000	18.445.000.000	3.544.374.000	81.109.416.000
II	Chi phí GPMB	1.000.000.000	720.000.000		200.000.000		1.920.000.000
III	Chi phí QLDA:	603.918.000	205.000.000	48.955.000	498.682.000	45.755.000	1.402.310.000
IV	Chi phí TV ĐTXD:	1.815.383.000	499.000.000	64.275.000	1.655.000.000	152.333.000	4.185.991.000
V	Chi phí khác:	515.057.000	80.000.000	5.633.000	341.847.000	279.770.000	1.222.307.000
VI	Dự phòng:					402.223.200	402.223.200
	Tổng kinh phí:	40.840.443.000	20.266.000.000	3.570.820.000	21.140.529.000	4.424.455.200	90.242.247.200